

Bản án số: 22/2021/HS-PT
Ngày 16 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Hồng Thanh

Ông Hồ Hữu Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 94/2020/TLPT-HS ngày 29 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo Lưu Thanh N, Lưu Văn T, Lưu Văn T1 do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang; kháng cáo của các bị cáo Lưu Thanh N, Lưu Văn T, Lưu Văn T1 và bị hại Đồng Hùng C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2020/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Lưu Thanh N - Sinh năm 1987 tại V, Hậu Giang. Nơi đăng ký thường trú: Ấp 1, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Quang P và con bà Ngô Thị T2; có vợ tên Phạm Thị Tiểu M và 01 người con tên Lưu Ngọc T3 (sinh năm 2019); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

2. **Lưu Văn T** - Sinh năm 1983 tại V, Hậu Giang. Nơi đăng ký thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Quang P và con bà Ngô Thị T2; có vợ tên Lê Thị Hồng N1 và 02 người con tên Lưu Lê Ngọc H (sinh năm 2011) và Lưu Lê Ngọc T4 (sinh năm 2017); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

3. **Lưu Văn T1** - Sinh năm 1982 tại V, Hậu Giang. Nơi đăng ký thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Quang P và bà Ngô Thị T1; có vợ tên Đoàn Thị T5 và 02 người con tên Lưu Thị Cẩm L (sinh năm 2011) và Lưu Hoài B (sinh năm 2013); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

- Bị hại có kháng cáo:

Đồng Hùng C - Sinh năm 1985; (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 3, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 25/01/2020, khi đang nhậu tại nhà ông Lưu Quang Phó (cha ruột các bị cáo), thì bị cáo Lưu Thanh N kể cho bị cáo Lưu Văn T1 và Lưu Văn T nghe về chuyện ông Phó bị bị hại Đồng Hùng C đánh gây thương tích xảy ra khoảng một tháng trước đó. Lúc này, N khởi xướng rủ T1, T đến nhà C để nói chuyện. Cả ba đi đến nhà C nhưng lúc này không có C ở nhà nên tất cả ra về.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi nhậu xong, 03 bị cáo N, T1, T tiếp tục đi xe mô tô đến nhà C để nói chuyện và đánh C. Khi đi N mang theo 03 cây sắt ống (kích thước 02cm x 04cm, dài khoảng 50cm đến 60cm). Khi đến nơi N đưa T1 và T mỗi người 01 cây sắt ống. T nhìn thấy C ở nhà nên la lên “Kìa nó có nhà kìa”. Lúc này, T và N xông vào nhà rượt đánh C, còn T1 chạy đến đứng chặn bên hông nhà. C chạy vào bếp lấy 01 cây dao yếm và chạy thoát ra cửa sau rồi vòng ra phía hông nhà thì bị T1 cầm cây sắt chặn lại. C dùng dao yếm chém về phía T1, T1 dùng cây sắt đỡ làm lưỡi dao chém trúng cây sắt trượt xuống trúng tay của T1 làm T1 té ngã.

Lúc này, C bỏ chạy qua nhà Đồng Hoàng Dẽ (em họ của C), vào trong phòng ngủ của Dẽ để trốn. T, N đuổi theo và xông vào phòng ngủ dùng cây sắt ống đánh nhiều cái trúng vào người C. Không còn lối thoát C vùng dao chém trúng ngón tay áp út của T. N cầm cây sắt ống đánh C làm rớt cây dao. C thoát ra được và chạy ra nhà sau thì bị N quật ngã nằm trên nền gạch cạnh tủ quần áo, hai tay ôm đầu. N, T1, T tiếp tục cầm cây sắt ống đánh vào người C nhiều cái rồi bỏ đi về. Trên đường về thì N, T1, T vứt 03 cây sắt xuống sông. Đồng Hùng C được gia đình đưa đi cấp cứu và trình báo sự việc đến cơ quan Công an.

Căn cứ Kết luận giám định pháp y về thương tích số 19/TgT ngày 18/02/2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Hậu Giang kết luận tổng tỷ lệ thương tích tổn hại đến sức khỏe của Đồng Hùng C hiện tại là: 28%.

Căn cứ Kết luận giám định pháp y về thương tích số 23/TgT ngày 28/02/2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Hậu Giang kết luận tổng tỷ lệ thương tích tổn hại đến sức khỏe của Lưu Văn T1 hiện tại là: 07%.

Căn cứ Kết luận giám định pháp y về thương tích số 35/TgT ngày 18/03/2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Hậu Giang kết luận tổng tỷ lệ thương tích tổn hại đến sức khỏe của Lưu Văn T hiện tại là: 07%.

Đối với Đồng Hùng C có hành vi dùng dao chém gây thương tích cho Lưu Văn T1, Lưu Văn T với tỉ lệ thương tích đều là 07%, do T1, T có đơn không yêu cầu xử lý hình sự đối với C nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý. Hành vi của C đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2020/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lưu Thanh N, Lưu Văn T1, Lưu Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Lưu Thanh N 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Lưu Văn T1 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Lưu Văn T 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 587, Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Lưu Thanh N, Lưu Văn T1, Lưu Văn T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Đồng Hùng C số tiền tổng cộng 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Phần của các bị cáo cụ thể như sau:

+ Buộc bị cáo Lưu Thanh N phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), được khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đã nộp ngày 6/7/2020 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Bị cáo N còn phải bồi thường số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

+ Buộc bị cáo Lưu Văn T1 phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), được khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đã nộp ngày 6/7/2020 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Bị cáo T1 còn phải bồi thường số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

+ Buộc bị cáo Lưu Văn T phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), được khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đã nộp vào ngày 6/7/2020 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Bị cáo T còn phải bồi thường số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) các bị cáo N, T1, T đã nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh Hậu Giang (hiện đang được Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V tạm giữ) để đảm bảo cho việc thi hành án phần trách nhiệm bồi thường.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Đồng Hùng C cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/12/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-TPVT, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không áp dụng tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ” đối với các bị cáo, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 03/12/2020, bị hại Đồng Hùng C kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo và tăng mức bồi thường thiệt hại.

Ngày 04/12/2020, các bị cáo Lưu Thanh N, Lưu Văn T và Lưu Văn T1 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa giữ nguyên Quyết định kháng nghị; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại Đồng Hùng C, chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Lưu Thanh N, Lưu Văn T1, Lưu Văn T, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang, sửa bản án sơ thẩm, không áp dụng tình tiết “phạm tội có tính chất côn đồ” đối với các bị cáo, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang có quyết định kháng nghị phúc thẩm; các bị cáo Lưu Thanh N, Lưu Văn T, Lưu Văn T1 và bị hại Đồng Hùng C có đơn kháng cáo. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang và đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp với quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 nên chấp nhận đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm. Đối chiếu lời khai của các bị cáo, bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 25/01/2020, các bị cáo Lưu Thanh N, Lưu Văn T, Lưu Văn T1 đã thống nhất ý chí và

cùng nhau thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại Đồng Hùng C với tổng tỷ lệ thương tích gây tổn hại đến sức khỏe theo kết luận giám định là 28%. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Các bị cáo sử dụng cây sắt ống là hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho bị hại nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo với tình tiết định khung tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phù hợp.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang và kháng cáo của các bị cáo Lưu Thanh N, Lưu Văn T, Lưu Văn T1:

[3] Về nội dung kháng nghị đề nghị không áp dụng tình tiết định khung “phạm tội có tính chất côn đồ” đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân xảy ra vụ án xuất phát từ mâu thuẫn do cự cãi, xô xát giữa cha của các bị cáo là ông Lưu Quang Phó và bị hại C xảy ra khoảng 01 tháng trước ngày xảy ra vụ án. Giữa các bị cáo và bị hại hoàn toàn không có mâu thuẫn gì với nhau nhưng vì muốn trả thù cho cha của các bị cáo mà các bị cáo đã bàn bạc thống nhất cùng nhau chuẩn bị hung khí và đi tìm đánh bị hại. Các bị cáo đi tìm bị hại 02 lần. Đến lần thứ 02, khi tìm thấy bị hại tại nhà của bị hại, các bị cáo liền xông vào nhà để đánh bị hại. Ngay cả khi bị hại đã lẩn trốn các bị cáo vẫn tiếp tục truy đuổi và dùng ống sắt đánh nhiều cái vào cơ thể bị hại đến khi bị hại gục xuống và không còn chống cự được nữa mới dừng lại. Hành vi của các bị cáo không xuất phát từ mâu thuẫn trực tiếp với bị hại mà cố ý dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại với tương quan lực lượng và cường độ tấn công như trên thể hiện tính côn đồ, xem thường pháp luật và sức khỏe của người khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “có tính chất côn đồ” là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung kháng nghị đề nghị áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo N mức án 18 tháng tù, bị cáo T1 và bị cáo T mức án 12 tháng tù. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cung cấp thêm chứng cứ chứng minh đã nộp toàn bộ tiền bồi thường thiệt hại theo quyết định của bản án sơ thẩm, đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật

đối với người phạm tội đã biết ăn năn hối cải. Đối với đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo, xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất côn đồ nên cần có mức án nghiêm cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang và chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[5] Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo nhưng không có tình tiết tăng nặng nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị hại.

[6] Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại lên 130.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận và thống nhất được các chi phí: Tiền thuốc, chi phí điều trị khi nằm viện là 20.000.000 đồng, chi phí lấy inox là 10.000.000 đồng, tiền mất thu nhập của bị hại trung bình 250.000 đồng/ngày; tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh trung bình 150.000 đồng/ngày. Trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại tổng cộng các khoản chi phí là 60.000.000 đồng, bao gồm:

- Chi phí hợp lý tiền thuốc, chi phí điều trị khi nằm viện: 20.000.000 đồng, chi phí lấy inox là 10.000.000 đồng, chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, phương tiện di chuyển là 2.000.000 đồng.

- Thu nhập thực tế bị mất trong thời gian nằm viện điều trị là 3.500.000 đồng (250.000 đồng/ngày x 14 ngày); khi xuất viện do tay của bị hại C chưa lao động được nên nghỉ dưỡng sức 01 tháng tiền mất thu nhập là 7.500.000 đồng (250.000 đồng/ngày x 30 ngày). Thu nhập thực tế bị mất của người nuôi bệnh là 2.100.000 đồng (150.000 đồng/ngày x 14 ngày).

- Thiệt hại tổn thất về tinh thần của bị hại C, Tòa chấp nhận 10 tháng lương cơ sở là 14.900.000 đồng (10 tháng x 1.490.000 đồng).

Xét thấy, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về mức bồi thường thiệt hại như trên là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật

Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Các khoản chi phí mà bị hại yêu cầu bồi thường thêm như: Tiền bồi thường 01 năm lao động của bị hại 78.000.000 đồng; tiền bồi thường 01 chiếc điện thoại bị hư trị giá 2.970.000 đồng; tiền ăn học cho 02 con của bị hại trong 03 tháng là 4.500.000 đồng; tiền công lao động của vợ bị hại trong 03 tháng nghỉ làm 13.500.000 đồng; tiền ăn lúc nằm viện 3.000.000 đồng là không có căn cứ và không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

[7] Về án phí: Các bị cáo N, T1, T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng thông báo cho bị hại Đồng Hùng C nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là chưa đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; do đó cần trả lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp cho bị hại Đồng Hùng C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Đồng Hùng C. Chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lưu Thanh N, Lưu Văn T1, Lưu Văn T.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Lưu Thanh N, Lưu Văn T1, Lưu Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lưu Thanh N 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lưu Văn T1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Lưu Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 587; Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc các bị cáo Lưu Thanh N, Lưu Văn T1, Lưu Văn T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Đồng Hùng C số tiền tổng cộng 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Phần của các bị cáo cụ thể như sau:

+ Buộc bị cáo Lưu Thanh N phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), được khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đã nộp ngày 6/7/2020 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Bị cáo N còn phải bồi thường số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng). Bị cáo đã nộp xong theo Biên lai thu tiền số 0005049 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

+ Buộc bị cáo Lưu Văn T1 phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), được khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đã nộp ngày 6/7/2020 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Bị cáo T1 còn phải bồi thường số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng). Bị cáo đã nộp xong theo Biên lai thu tiền số 0005049 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

+ Buộc bị cáo Lưu Văn T phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), được khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đã nộp vào ngày 6/7/2020 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Bị cáo T còn phải bồi thường số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng). Bị cáo đã nộp xong theo Biên lai thu tiền số 0005049 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Đồng Hùng C cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) các bị cáo N, T1, T đã nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh Hậu Giang (hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang) và số tiền 51.000.000 đồng các bị cáo N, T1, T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang theo Biên lai thu tiền số 0005049 ngày 25/01/2021 được xử lý trong quá trình thi hành án.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lưu Thanh N, Lưu Văn T1, Lưu Văn T mỗi bị cáo phải chịu 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí hình sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho bị hại Đồng Hùng C (theo Biên lai thu tiền số 0006145 ngày 03/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- TAND, VKSND, CQĐT,
- Chi cục THADS thành phố V;
- Công an xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: HSVA; THS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tiến

